

Bộ điều khiển
CPX-E-CEC-M1-EP
Số bộ phận: 4252744

FESTO



RD	0	1	RD
BU	2	3	BU

Bảng dữ liệu

Đặc tính	Giá trị
Kích thước lưới	18.9 mm
Kiểu gắn	với ray DIN
trọng lượng sản phẩm	288 g
Vị trí lắp đặt	dọc ngang
Nhiệt độ môi trường xung quanh	-5 °C...50 °C
Lưu ý về nhiệt độ môi trường	-5 - 60 °C để lắp đặt thẳng đứng
Nhiệt độ bảo quản	-20 °C...70 °C
Độ ẩm tương đối	95 % không cô đặc
Mức độ bảo vệ	IP20
Lớp chống ăn mòn KBK	0 - không ứng suất ăn mòn
Bảo vệ chống tiếp xúc trực tiếp và gián tiếp	PELV
Tuân thủ LABS	VDMA24364 Vùng III
Dấu CE (xem tuyên bố về sự phù hợp)	theo chỉ thị EMC của EU theo chỉ thị RoHS của EU
Giấy phép	Dấu RCM c UL us - Listed (OL)
Ghi chú vật liệu	Tuân thủ RoHS
Chẩn đoán theo đèn LED	Force mode Trạng thái mô-đun Tình trạng mạng Cổng kỹ thuật trạng thái mạng 1 Cổng kỹ thuật trạng thái mạng 2 Tình trạng mạng EtherCAT Trạng thái mạng cổng 1 Trạng thái mạng cổng 2 Run Nguồn cấp điện áp điện tử/cảm biến Nguồn cấp điện tải Lỗi hệ thống
Các yếu tố vận hành	Công tắc DIP cho RUN/STOP Công tắc xoay để điều chỉnh địa chỉ Tùy chọn: đơn vị điều khiển CDSB

Đặc tính	Giá trị
Giao diện fieldbus, giao thức	ACD (Address Conflict Detection) DLR (Device Level Ring) EtherNet/IP EtherNet/IP QoS Kết nối nhanh EtherNet/IP SNMP
Giao diện Fieldbus, loại kết nối	2x ổ cắm
Giao diện fieldbus, công nghệ kết nối	RJ45
Giao diện Fieldbus, số lượng chân / dây	8
Giao diện fieldbus 2, kiểu	Ethernet
Giao diện fieldbus 2, giao thức	CoE EoE EtherCAT FoE
Giao diện fieldbus 2, chức năng	Kết nối bus tiếp tục
Giao diện Fieldbus 2, loại kết nối	Ổ cắm
Giao diện fieldbus 2, công nghệ kết nối	RJ45
Giao diện Fieldbus 2, số lượng chân / dây	8
Giao diện Fieldbus 2, cách ly điện	có
Giao diện Fieldbus 2, tốc độ truyền	100 Mbit/s
Giao diện Ethernet, kiểu kết nối	2x ổ cắm
Giao diện Ethernet, giao thức	EasyIP Modbus TCP OPC-UA TCP/IP
Giao diện Ethernet, chức năng	Chẩn đoán Công tắc
Giao diện Ethernet, công nghệ kết nối	RJ45
Giao diện Ethernet, số chân cắm/dây	8
Giao diện Ethernet, tốc độ truyền	10 Mbit/s 100 Mbit/s
Đầu vào khối lượng địa chỉ tối đa	64 byte
Giao diện Fieldbus, đầu vào khối lượng địa chỉ tối đa	512 byte
Khối lượng địa chỉ tối đa Đầu ra	64 byte
Giao diện Fieldbus, các đầu ra dung lượng địa chỉ tối đa	512 byte
Tham số hệ thống	Bộ nhớ chẩn đoán Phản hồi không an toàn Khởi động hệ thống
Thông số mô-đun	Nhóm các cảnh báo kênh Chẩn đoán thiếu điện áp Bảo động kênh điện áp thấp Mô tả giá trị quy trình các mô-đun tương tự
Hỗ trợ cấu hình	Đơn vị điều khiển CDSB CODESYS V3
Chức năng bổ sung	CODESYS V3 với SoftMotion
Bộ nguồn, chức năng	Điện tử và cảm biến
Nguồn điện, kiểu kết nối	Dải đầu kẹp
Bộ nguồn, lưu ý về kiểu kết nối	> Dải đầu cuối 4 A và UL 2x cho bộ nguồn
Cung cấp điện, công nghệ kết nối	Đầu kẹp lò xo
Cung cấp điện áp, số cực / dây	4
Điện áp hoạt động định mức DC Điện tử/cảm biến	24 V
Điện áp dao động cho phép điện tử / cảm biến	± 25 %
Nguồn điện, mặt cắt dây dẫn	0.2 mm²...1.5 mm²
Nguồn cung cấp, lưu ý trên mặt cắt dây dẫn	0,2 - 2,5 mm² đối với ruột dẫn mềm không có ống bọc đầu dây
Mức tiêu thụ dòng điện nội tại ở điện áp vận hành định mức điện tử/cảm biến	thường là 150 mA
Bắc cầu sự cố điện	20 ms
Chống phân cực	Nguồn cấp cho cảm biến 24 V so với nguồn cấp cho cảm biến 0 V

Đặc tính	Giá trị
Bộ nhớ chương trình	Chương trình người dùng 100 MB
Thời gian xử lý	hướng dẫn khoảng 200 μ s/1 k
Điểm đánh dấu	120 kB dữ liệu lưu giữ Khái niệm biến CODESYS